**Tổng hợp lương và toàn bộ phụ cấp của của giảng viên, giáo viên khi dạy ở vùng ĐBKK (mới nhất)**

1. **Mức lương đối với giảng viên và giáo viên các cấp**

**BẢNG LƯƠNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN, GIẢNG VIÊN**

*(Đơn vị tính: 1000 đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngạch** | **Bậc 1** | **Bậc 2** | **Bậc 3** | **Bậc 4** | **Bậc 5** | **Bậc 6** | **Bậc 7** | **Bậc 8** | **Bậc 9** | **Bậc 10** | **Bậc 11** | **Bậc 12** |
| Viên chức loại A3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Giáo sư và Giảng viên cao cấp**  **(Nhóm 1 (A3.1))** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hệ số lương | 6.20 | 6.56 | 6.92 | 7.28 | 7.64 | 8.00 |  |  |  |  |  |  |
| Mức lương từ ngày 01/7/2019  (triệu đồng/tháng) | **9.238** | **9.774,4** | **10.310,8** | **10.847,2** | **11.383,6** | **11.920** |  |  |  |  |  |  |
| Viên chức loại A2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Phó Giáo sư - Giảng viên chính**  **(Nhóm 1 (A2.1))** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hệ số lương | 4.40 | 4.74 | 5.08 | 5.42 | 5.76 | 6.10 | 6.44 | 6.78 |  |  |  |  |
| Mức lương từ ngày 01/7/2019  (triệu đồng/tháng) | **6,556** | **7,062.6** | **7,569.2** | **8,075.8** | **8,582.4** | **9,089** | **9,595.6** | **10,102.2** |  |  |  |  |
| **Giáo viên trung học cao cấp**  **(Nhóm 2 (A2.2))** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hệ số lương | 4.00 | 4.34 | 4.68 | 5.02 | 5.36 | 5.70 | 6.04 | 6.38 |  |  |  |  |
| Mức lương từ ngày 01/7/2019  (triệu đồng/tháng) | **5,960** | **6,466.6** | **6,973.2** | **7,479.8** | **7,986.4** | **8,493** | **8,999.6** | **9,506.2** |  |  |  |  |
| **- Giáo viên mầm non cao cấp**  **- Giáo viên tiểu học cao cấp**  **- Giáo viên trung học**  **- Giáo viên trung học cơ sở chính**  **- Giảng viên**  **(Viên chức loại A1)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hệ số lương | 2.34 | 2.67 | 3.00 | 3.33 | 3.66 | 3.99 | 4.32 | 4.65 |  |  |  |  |
| Mức lương từ ngày 01/7/2019  (triệu đồng/tháng) | **3,486.6** | **3,978.3** | **4,470** | **4,961.7** | **5,453.4** | **5,945.1** | **6,436.8** | **6,928.5** |  |  |  |  |
| **Giáo viên trung học cơ sở**  **(Viên chức loại A0)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hệ số lương | 2.10 | 2.41 | 2.72 | 3.03 | 3.34 | 3.65 | 3.96 | 4.27 | 4.58 | 4.89 |  |  |
| Mức lương từ ngày 01/7/2019  (triệu đồng/tháng) | **3,129** | **3,590.9** | **4,052.8** | **4,514.7** | **4,976.6** | **5,438.5** | **5,900.4** | **6,362.3** | **6,824.2** | **7,286.1** |  |  |
| **Giáo viên tiểu học và Giáo viên mầm non**  **(Viên chức loại B)** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Hệ số lương | 1.86 | 2.06 | 2.26 | 2.46 | 2.66 | 2.86 | 3.06 | 3.26 | 3.46 | 3.66 | 3.86 | 4.06 |
| Mức lương từ ngày 01/7/2019  (triệu đồng/tháng) | **2,771.4** | **3,069.4** | **3,367.4** | **3,665.4** | **3,963.4** | **4,261.4** | **4,559.4** | **4,857.4** | **5,155.4** | **5,453.4** | **5,751.4** | **6,049.4** |

**2. Các loại phụ cấp giảng viên, giáo viên được hưởng khi công tác ở vùng đặc biệt khó khăn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại phụ cấp** | **Mức hưởng** | **Ghi chú** |
| **1** | Phụ cấp thu hút | 70% (mức lương hiện hưởng + phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung) | Thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK không quá 05 năm (60 tháng). |
| **2** | Phụ cấp công tác lâu năm | Mức hưởng phụ cấp hàng tháng tính theo **mức lương cơ sở và thời gian thực tế làm việc** ở vùng ĐBKK, cụ thể:  - **Mức 0,5** áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK từ **đủ 5 năm đến dưới 10 năm**;  - **Mức 0,7** áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK từ **đủ 10 năm đến dưới 15 năm**;  - **Mức 1,0** áp dụng đối với người có thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK từ **đủ 15 năm trở lên**. | Có thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK từ đủ 05 năm trở lên. |
| **3** | Trợ cấp lần đầu khi nhận công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn | Mức trợ cấp lần đầu bằng **10 tháng lương cơ sở** tại thời điểm nhận công tác ở vùng ĐBKK.  Trường hợp có gia đình cùng đến công tác ở vùng ĐBKK thì ngoài trợ cấp lần đầu, còn được trợ cấp:  - Tiền tàu xe, cước hành lý cho các thành viên trong gia đình cùng đi tính theo giá vé, giá cước thực tế của phương tiện giao thông công cộng hoặc thanh toán theo mức khoán trên cơ sở số kilômét đi thực tế nhân với đơn giá phương tiện vận tải công cộng thông thường (tàu, thuyền, xe ô tô khách);  - Trợ cấp 12 tháng lương cơ sở cho hộ gia đình. | Chỉ thực hiện một lần trong tổng thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK. |
| **4** | Trợ cấp tiền mua và vận chuyển nước ngọt và sạch | Mức trợ cấp 01 tháng: a x (c – d)  Mức trợ cấp 01 năm: a x (c – d) x b  Trong đó:  - a là định mức tiêu chuẩn 6m3/người/ tháng  - b là số tháng thực tế thiếu nước ngọt và sạch trong 01 năm  - c là chi phí mua và vận chuyển 01m3 nước ngọt và sạch đến nơi ở và nơi làm việc của người được hưởng  - d là giá nước ngọt và sạch để tính chi phí nước ngọt và sạch trong tiền lương tính bằng giá kinh doanh 01m3 nước sạch. | Áp dụng đối với đối với giáo viên, giảng viên công tác ở vùng ĐBKK thiếu nước ngọt và sạch theo mùa. Trong đó, vùng thiếu nước ngọt và sạch theo mùa là vùng do điều kiện tự nhiên không có nước ngọt và sạch hoặc có nhưng không đủ phục vụ nhu cầu sinh hoạt từ 01 tháng liên tục trở lên trong năm. |
| **5** | Trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu | Mỗi năm công tác ở vùng đặc biệt khó khăn được trợ cấp bằng **1/2 mức lương tháng hiện hưởng cộng với phụ cấp** chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) tại thời điểm chuyển công tác ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu (hoặc nơi công tác được cấp có thẩm quyền quyết định không còn là vùng ĐBKK). | Áp dụng đối với giáo viên, giảng viên đang công tác và có thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK từ đủ 10 năm trở lên chuyển công tác ra khỏi vùng ĐBKK hoặc khi nghỉ hưu (hoặc nơi công tác được cấp có thẩm quyền quyết định không còn là vùng ĐBKK) |
| **6** | Thanh toán tiền tàu xe | Ngoài tiền lương được hưởng theo quy định của pháp luật còn được thanh toán tiền tàu xe đi và về thăm gia đình theo quy định. | Khi nghỉ hàng năm, nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng trong trong thời gian làm việc ở vùng ĐBKK. |
| **7** | Trợ cấp tham quan, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ | - Trường hợp được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cử đi học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm thì được hỗ trợ tiền mua tài liệu học tập và hỗ trợ **100% tiền học phí, chi phí đi lại** từ nơi làm việc đến nơi học tập.  - Trường hợp công tác tại vùng dân tộc ít người tự học tiếng dân tộc để phục vụ nhiệm vụ được giao thì được hỗ trợ tiền mua tài liệu và tiền bồi dưỡng cho việc tự học tiếng dân tộc ít người **bằng số tiền hỗ trợ cho việc học tập ở các trường, lớp chính quy**. | Áp dụng trong trường hợp được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cử đi học bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tham quan, học tập trao đổi kinh nghiệm hoặc trường hợp công tác tại vùng dân tộc ít người tự học tiếng dân tộc để phục vụ nhiệm vụ được giao. |
| **8** | Phụ cấp ưu đãi theo nghề | Phụ cấp ưu đãi theo nghề bằng **70% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp** chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) | Áp dụng đối với thời gian thực tế làm việc ở vùng ĐBKK của công chức, viên chức và người lao động là nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. |
| **9** | Phụ cấp lưu động | Mức hưởng phụ cấp = **0,2 so với mức lương cơ sở.** | Áp dụng đối với nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục đang làm chuyên trách về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mà phải thường xuyên đi đến các thôn. |
| **10** | Phụ cấp dạy tiếng dân tộc thiểu số | Mức hưởng phụ cấp = **50% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp** chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có). | Áp dụng đối với nhà giáo, viên chức quản lý giáo dục dạy tiếng dân tộc thiểu số. |